

Bản án số: 244/2026/DS-PT

Ngày: 04-3-2026

V/v tranh chấp về thừa kế

tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Bà Dương Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1012/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2025/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: số B P, phường B, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh (nay là 2 P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tạm trú: ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Tố T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố C, phường G, tỉnh Tây Ninh).

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Q, Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Quang H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

2. Bị đơn: Bà Hồ Kim N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố G, phường T, tỉnh Tây Ninh).

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2024).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Quốc K, sinh năm 1988.
2. Chị Hồ Thị L, sinh năm 1988.
3. Bà Lại Thị L1, sinh năm 1960.
4. Ông Hồ Quốc K1 (T2), sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người giám hộ của ông K1 (T2) là bà Lại Thị L1 (theo quyết định tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự số 04/2025/QĐST-DS ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hồ Thị T; bị đơn bà Hồ Kim N.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2024, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 10/12/2024 của bà Hồ Thị T, trong quá trình tham gia tố tụng, anh Trần Tố T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị T trình bày:* Cha mẹ chung của bà Hồ Thị T và bà Hồ Thị C là cụ Hồ Văn H1, chết năm 1989 và cụ Nguyễn Thị H2, chết năm 1976; cụ H1 và cụ H2 có tất cả 03 người con gồm: bà Hồ Thị C, chết năm 2023; bà Hồ Thị T; ông Hồ Văn H3, chết năm 2013. Ngoài ra, cụ H1 và cụ H2 không có con nuôi và con riêng.

Tài sản chung là quyền sử dụng đất do cụ H1 và cụ H2 tạo lập chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ H1 và cụ H2 chết thì ông H3 kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1993 với tổng diện tích 6.315m². Đến năm 2007 bà C khiếu nại yêu cầu ông H3 chia cho bà C một phần trong tổng diện tích đất trên, ông Hiệp đồng Ý và chia cho bà C một phần diện tích 2.865m² thuộc thửa số 1564, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Hồ Thị C đứng tên ngày 18/10/2007. Lúc này do hoàn cảnh gia đình bà C gặp khó khăn, nên bà C được xây dựng một căn nhà tình thương và bà T có hỗ trợ tiền để bà C xây dựng hàng rào lưới B40 xung quanh đất, trên đất bà C trồng cây cao su. Do bà C bị bệnh tai biến, nên bà C về sống chung với bà T, lúc này các con của ông Hồ Văn H3 và bà Lại Thị L1 là chị Hồ Kim N, anh Hồ Quốc K, chị Hồ Thị L chiếm giữ nhà đất của bà C để mua bán mủ cao su; đến năm 2023 bà C chết không để lại di chúc. Nay bà T yêu cầu chia thừa kế cho bà T được hưởng toàn bộ diện tích đất do bà C chết để lại là 2.865m² thuộc thửa số 1564, tờ bản đồ số 07, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Hồ Thị C đứng tên ngày 18/10/2007 và yêu cầu chia thừa kế tài sản là 01 xe Honda biển số 70L-0709 do bà C đứng tên giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy ngày 21/5/1997.

Theo đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 10/12/2024 bà Hồ Thị T yêu cầu chia thừa kế cho bà được hưởng toàn bộ diện tích đất qua đo đạc thực tế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C đứng tên ngày 18/10/2007 là 2.239,7m², trong đó:

- Phần đất diện tích thực tế trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C sử dụng trong khuôn viên hàng rào lưới B40 là 1.619,7m² thuộc một phần thừa số 202, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thừa số 1564, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299).

- Phần đất diện tích thực tế trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà C không sử dụng ngoài khuôn viên hàng rào lưới B40 là 620m² thuộc một phần thừa số 204, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thừa số 1561, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299).

- Đối với phần đất diện tích thực tế ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà C sử dụng trong khuôn viên hàng rào lưới B40 diện tích 647,5m² thuộc một phần thừa số 202, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thừa số 1564, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299) và diện tích 330,5m² thuộc thừa số 203, tờ bản đồ số 37, tương ứng với một phần thừa số 1564, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299). Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 647,5m² và diện tích 330,5m², tổng diện tích 978m², trên đất có căn nhà tình thương của bà C xây dựng năm 2010.

- Ngoài ra, bà T yêu cầu chia tài sản của bà C là căn nhà tình thương của bà C xây dựng năm 2010 trên diện tích đất 978m² và yêu cầu chia tài sản trong nhà của bà C, gồm: 02 ghế thờ, 01 trang thờ, 02 ván đivăng, 01 tủ lạnh, 01 tivi, 01 tủ nhỏ, 01 cái giường, 01 gar măng rê; yêu cầu chị N phải thanh toán lại số tiền thu hoạch mủ cao su mỗi tháng 4.500.000 đồng đến khi xét xử sơ thẩm (300.000 đồng/ngày, mỗi tháng thu hoạch 15 ngày x 300.000 đồng/ ngày = 4.500.000 đồng).

Bà T thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu xem xét thẩm định giá lại. Thống nhất biên bản thỏa thuận đối với diện tích đất thực tế 620m² và trị giá quyền sử dụng đất, cây cao su trên đất theo kết quả định giá ngày 17/10/2024, không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với diện tích đất 620m² và cây cao su trên đất.

Bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C chết để lại cho bà T được hưởng toàn bộ tài sản trên, do bà T là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ hai hiện đang còn sống.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị T là ông Trần Tô T1 rút tiếp một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia căn nhà tình thương của bà C trên phần đất diện tích 978m². Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

2. Ông Võ Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Kim N trình bày: Ông bà nội của chị N là cụ Hồ Văn H1 và cụ Nguyễn Thị H2 có 03 người con chung gồm bà C, bà T, ông H3. Ông Hồ Văn H3 và bà Lại Thị L1 có

04 người con chung là chị Hồ Kim N, chị Hồ Thị L, anh Hồ Quốc K, anh Hồ Quốc K1 (T2). Nguồn gốc phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 2.597,7m² thuộc một phần thửa số 202, 203, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1564, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299) do ông Hồ Văn H3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1993, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh). Đến năm 2007 do có tranh chấp nên ông H3 có chia cho bà C phần đất diện tích 2.865m² theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/7/2007, bà Hồ Thị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2007, trên đất có căn nhà tình thương của bà C, cây cao su và tài sản trong nhà đang có tranh chấp. Ngoài ra, đối với diện tích đất 620m² thuộc một phần thửa số 204, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với thửa số 1561, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C đứng tên, nhưng thực tế bà C không có sử dụng, do gia đình bà L1 đang sử dụng, hiện bà T đang có tranh chấp.

Chị N thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu xem xét thẩm định giá lại. Thống nhất biên bản thỏa thuận đối với diện tích đất thực tế 620m² và trị giá quyền sử dụng đất, cây cao su trên đất theo kết quả định giá ngày 17/10/2024, không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với diện tích đất 620m² và cây cao su trên đất.

Nay theo yêu cầu của bà Hồ Thị T yêu cầu chia thừa kế được hưởng toàn bộ tài sản của bà C chết để lại, chị N không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà T. Ngoài ra, chị N không có yêu cầu gì khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L, anh Hồ Quốc K, bà Lại Thị L1: Thống nhất theo nội dung lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của chị N là đúng, không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và xin vắng mặt.

Vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 317/2025/DS-ST ngày 09/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 147, 165, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, 611, 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T đối với chị Hồ Kim N về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1.1. Bà Hồ Thị T được hưởng phần đất diện tích thực tế 1.619,7m² (loại đất BHK) thuộc một phần thửa số 202, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1564, tờ bản đồ 07 (bản đồ 299), tứ cận: Bắc giáp đường

đất dài 23,93m + 26,49m; Tây giáp đường nhựa dài 33,88m; Nam giáp thửa số 203 và phần còn lại của thửa số 202 dài 50,65; Đông giáp đường đất dài 14,75m + 22,54m, tài sản cây cao su, hàng rào lưới B40 trên đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 786271, số vào sổ cấp GCN: H00307/512/2007/HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Hồ Thị C đứng tên ngày 18-10-2007, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh) và 01 xe mô tô biển số 70L1-0709, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, màu sơn xanh, số máy: 1242178, số khung: 1226676, do bà C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0017466 ngày 21-5-1997; 01 tủ lạnh; 01 tivi; 01 tủ nhỏ; 01 cái giường; 01 gar măng rê.

1.2. Buộc chị Hồ Kim N phải giao cho bà Hồ Thị T phần đất diện tích 1.619,7m², tài sản cây cao su, hàng rào lưới B40 trên đất và 01 xe mô tô biển số 70L1-0709, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, màu sơn xanh, số máy: 1242178, số khung: 1226676, do bà C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0017466 ngày 21-5-1997; 01 tủ lạnh; 01 tivi; 01 tủ nhỏ; 01 cái giường; 01 gar măng rê.

2. Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ quyết định của bản án này xem xét thu hồi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo quy định pháp luật.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T đối với chị Hồ Kim N về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với phần đất diện tích thực tế 620m² thuộc một phần thửa số 204, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1561, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 786271, số vào sổ cấp GCN: H00307/512/2007/HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Hồ Thị C đứng tên ngày 18-10-2007, tọa lạc ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh).

4. Chị Hồ Kim N được hưởng số tiền công sức đóng góp là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và số tiền thu hoạch mủ cao su từ ngày 10-01-2024 đến ngày 09-10-2025 là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

4.1. Buộc bà Hồ Thị T phải thanh toán lại cho chị Hồ Kim N số tiền công sức đóng góp là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T về yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 978m², thuộc một phần thửa số 202 diện tích 647,5m² và thuộc thửa số 203 diện tích 330,5m², tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1564, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299) và yêu cầu chia căn nhà tình thương trên diện tích đất 978m².

6. Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Hồ Thị

T phải chịu 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm ngàn đồng); chị Hồ Kim N, chị Hồ Thị L, anh Hồ Quốc K, bà Lại Thị Lê P chịu 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng). Ghi nhận bà T đã nộp số tiền 33.300.000 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng). Buộc chị N, chị L, anh K, bà L1 phải nộp số tiền 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng) để hoàn trả lại cho bà T.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị T được miễn; chị Hồ Kim N, chị Hồ Thị L, anh Hồ Quốc K, bà Lại Thị L1 không phải chịu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án dân sự.

Ngày 16/10/2025, nguyên đơn bà Hồ Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 20/10/2025, bị đơn chị Hồ Kim N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bà T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị cây cao su trên đất cho chị N và gia đình chị vì toàn bộ cây cao su này do ông Hồ Văn H3 và các chị em chị trồng và chăm sóc từ năm 2003 cho đến khi bà C chết vào năm 2023.

Ngày 24/10/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS đối với bản án số 317/2025/DS-ST ngày 09/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh theo hướng sửa bản án sơ thẩm về nội dung quyết định, chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Luật sư Trần Văn Q bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồ Thị T tranh luận:

Thứ nhất, diện, hàng thừa kế:

Bà Hồ Thị C là con ruột của hai cụ Hồ Văn H1 và Nguyễn Thị H2 (đều đã chết). Bà C có ba chị em gồm: bà Hồ Thị C, sinh năm 1952, chết năm 2023; bà Hồ Thị T, sinh năm 1954 và ông Hồ Văn H3, sinh năm 1956, chết năm 2013. Ông bà nội, ông bà ngoại của bà C đã chết trước bà C; bà C không để lại di chúc khi chết.

Căn cứ theo quy định của Bộ luật dân sự tại các điều 649 về Thừa kế theo pháp luật, Điều 650 về Những trường hợp thừa kế theo pháp luật và Điều 651 về người thừa kế theo pháp luật thì bà Hồ Thị T thuộc hàng thừa kế thứ hai quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

Thứ hai, xác định tài sản là di sản thừa kế:

Bà Hồ Thị C được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK 786271 ngày 18/10/2007 đối với thửa 1564, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.865m²; nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Văn H3 và bà Lại Thị L1 theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 06/7/2007. Đến thời điểm bà Hồ Thị C chết, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đang có giá trị, chưa bị cơ quan

quản lý Nhà nước về đất đai thu hồi, hay bị kê biên, phong tỏa theo khoản 1 Điều 45 Luật Đất đai 2024 nên thỏa mãn điều kiện để trở thành di sản thừa kế không có di chúc.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận quyền thừa kế của bà T với diện tích 1.619,7m² thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 37; không chấp nhận diện tích 620m², thửa 204, tờ bản đồ số 37 thuộc di sản của bà C là không đúng quy định của pháp luật. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phần diện tích 620m² thuộc diện tích đất bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại xác định không phải là di sản của bà C là trái quy định của pháp luật. Trong khi, phía ông H3 trước đó không tranh chấp quyền sử dụng đất với bà C hay bà N sau này với người thừa kế của bà C. Việc cấp sơ thẩm xác định thời hiệu thụ hưởng hơn 30 năm là trái với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật dân sự. Bởi lẽ Điều 236 Bộ luật dân sự quy định về việc xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật như sau: *Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.*

Trong trường hợp này quyền sử dụng đất bà Hồ Thị C đã được Nhà nước công nhận từ thời điểm năm 2007, trước thời điểm ông Hồ Văn H3 chết năm 2013, thông qua giao dịch dân sự là hợp đồng chuyển nhượng từ ông Hồ Văn H3 và bà Lại Thị L1 (năm 2007) nói trên cho nên không thuộc trường hợp quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thứ ba, về việc xác định công sức đóng góp, bảo quản, gìn giữ tài sản.

Căn cứ quy định tại Điều 616 Bộ luật dân sự về người quản lý di sản, bà N không phải là người quản lý di sản. Mặt khác, bà C mới mất năm 2023 đến năm 2024 bà T đã khởi kiện bà N tranh chấp thừa kế. Cho nên bà N không có quyền của người quản lý di sản theo Điều 618 Bộ luật dân sự. Bà N không thuộc diện được tính công sức đóng góp, bảo quản, gìn giữ tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào một quy định pháp luật nào lại tự đưa ra mức 8% tổng giá trị của di sản để buộc người thừa kế của bà T thanh toán cái gọi là **chi phí bồi dưỡng** 200.000.000 đồng cho bà N là không có căn cứ pháp luật, không đúng hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao nhưng lại nhận định là “không trái quy định của pháp luật và lẽ công bằng”. Theo Tòa án nhân dân Tối cao, khi xét xử Hội đồng xét xử chỉ áp dụng lẽ công bằng khi pháp luật không quy định nhưng trường hợp này pháp có quy định nhưng bà N không thuộc trường hợp.

Toàn bộ hồ sơ vụ án không thể hiện bà N có yêu cầu và thực hiện nghĩa vụ tố tụng dân sự khi có yêu cầu, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về công sức đóng góp là vi phạm nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phần này, bà N có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, đối với những tài sản như trang thờ, ghé thờ, đi vắng; bà T cung cấp được Giấy xác nhận của chủ cửa hàng đồ gỗ nơi bà T dẫn bà C đi mua vào khoảng năm 2010, 2011 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo này của bà T, đề nghị giao cho bà T sở hữu trang thờ, ghé thờ, đi vắng vì đây là kỹ

vật để dùng vào việc thờ cúng. Hiện nay bà T đang thực hiện nghĩa vụ này nên giao cho bà T cũng phù hợp đạo đức.

Đối với tiền thu hoạch mủ cao su, bà T rút yêu cầu, đề nghị ghi nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T: Công nhận cho bà Hồ Thị T được hưởng thừa kế di sản của bà Hồ Thị C: 1.619,7m² (thửa 202) + 620m² (thửa 204) đều thuộc thửa 1564, tờ bản đồ số 7 theo Mảnh trích đo của Công ty TNHH T3. Bà Hồ Thị T được quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản (cây cao su trên đất) đề nghị căn cứ giá trị do cơ quan định giá thẩm định để buộc bà T thanh toán cho phía bà N. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu hoàn trả tiền thu hoạch mủ cao su, đồng ý cho bà N hưởng dụng. Công nhận cho bà T được quyền sở hữu một xe mô tô biển số 70L1-0709, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, màu sơn xanh, số máy: 1242178, số khung: 1226676 do bà C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0017466 ngày 21/5/1997; một tủ lạnh; một tivi; một tủ nhỏ; một cái giường; một gar măng rê; hai ghế thờ; một trang thờ; hai ván đi văng.

Ông Trần Tô T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị T thống nhất với ý kiến của Luật sư Trần Văn Q, không bổ sung gì thêm.

Ông Võ Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Hồ Kim N không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị T và ý kiến của Luật sư Trần Văn Q; ông S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N.

Ông Hồ Quốc K đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị T; bị đơn chị Hồ Kim N và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh được gửi đến Tòa án trong thời gian luật quy định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo bà T đã rút; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà N; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 317/2025/DS-ST ngày 09/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh như đã phân tích tại quyết định kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị T; bị đơn chị Hồ Kim N và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 24/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh được thực hiện đúng quy định tại Điều 272, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Hồ Thị T khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Hồ Thị C chết để lại đối với bị đơn chị Hồ Kim N. Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh và đất tranh chấp tọa lạc tại xã T nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L, bà Lại Thị L1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các người có tên nêu trên.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Hồ Thị C chết năm 2023 không để lại di chúc, ngày 10/01/2024 bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về hàng thừa kế và người thừa kế: Bà Hồ Thị C chết năm 2023 không để lại di chúc, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là cha mẹ bà C chết trước bà C; bà C không có chồng, con; không có cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi. Hàng thừa kế thứ hai gồm anh chị em bà C là ông Hồ Văn H3, chết năm 2013 trước bà C; bà Hồ Thị T là chị ruột của bà C và là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ hai và không thuộc trường hợp không có quyền hưởng, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản theo khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị T, thấy rằng:

[6.1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha mẹ ruột bà T, bà C và ông H3 là cụ Hồ Văn H1 và cụ Nguyễn Thị H2 chết để lại, đất tại ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh. Năm 2007, bà C tranh chấp nên ông H3 có chia cho bà C phần đất diện tích 2.865m² theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/7/2007, bà Hồ Thị C được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2007, trên đất có căn nhà tình thương của bà C, cây cao su và tài sản trong nhà; qua đo đạc thực tế diện tích là 2.239,7m². Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại mục [2.2] xác định di sản thừa kế của bà Hồ Thị C chết để lại gồm: đối với phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 2.239,7m². Tuy nhiên lại nhận định diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực tế do bà C sử dụng trong khuôn viên hàng rào lưới B40 là 1.619,7m² (loại đất BHK) thuộc một phần thửa đất số 202, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa đất số 1564, tờ bản đồ số 07 (bản đồ số 299). Tài sản cây cao su trên đất do bà C trồng và hàng rào lưới B40 trên đất do bà C xây dựng, xác định là di sản của bà C để lại. Còn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực tế bà C không sử dụng ngoài khuôn viên

hàng rào lưới B40 là 620m² (loại đất BHK) thuộc một phần thửa số 204, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1561, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299). Tài sản cây cao su và công trình phụ nhà vệ sinh trên đất, do gia đình bà Lại Thị L1 trồng và xây dựng, nguồn gốc đất do ông Hồ Văn H3 và bà Lại Thị L1 sử dụng từ năm 1993, đến năm 2013 ông H3 chết, bà L1 cùng các con sử dụng đến nay đã hơn 30 năm, xác định không phải là di sản của bà C để lại là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, ngày 06/7/2007 ông Hồ Văn H3 và bà Lại Thị L1 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1564, tờ bản đồ số 07, diện tích 2865m² tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh) cho bà C, thực tế là “Anh cho em” (thể hiện tại Điều 2 của hợp đồng). Ngày 18/10/2007, bà Hồ Thị C được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền quản lý, sử dụng đất thửa 1564 của bà C được pháp luật công nhận kể từ ngày 18/10/2007, không còn là đất của ông H3 và bà L1. Do đó, bà T kháng cáo yêu cầu được chia diện tích đất ngoài khuôn viên hàng rào lưới B40 là 620m² (loại đất BHK) thuộc một phần thửa số 204, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1561, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Biên bản thỏa thuận ngày 26/9/2025 giữa anh Trần Tố T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị T với ông Võ Văn S là người đại diện theo ủy quyền của chị Hồ Kim N, tài sản trên diện tích đất 620m² có 10 cây cao su 05 năm tuổi do gia đình bà L1 trồng, trị giá theo kết quả định giá ngày 17/10/2024 là 150.000 đồng/cây, thành tiền 1.500.000 đồng; 01 nhà vệ sinh do gia đình bà L1 xây dựng đến nay hơn 10 năm, đã hết niên hạn sử dụng không định giá được. Do đó buộc bà Hồ Thị T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị 10 cây cao su cho bà Lại Thị L1, số tiền 1.500.000 đồng.

[6.2.] Đối với hai ghế thờ trị giá 1.000.000 đồng, một trang thờ trị giá 500.000 đồng, hai ván đi văng trị giá 2.000.000 đồng (theo Biên bản thỏa thuận giá ngày 26/9/2025 giữa anh Trần Tố T1 và ông Võ Văn S), Tòa án cấp sơ thẩm xác định không phải là di sản của bà C để lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Giấy xác nhận của ông Phan Trí M – chủ cửa hàng đồ gỗ Minh Á, địa chỉ C khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh có nội dung: Vào khoảng 2010 – 2011 bà T có đưa chị ruột là bà C ở xã T đến cửa hàng ông mua hai ghế thờ, một trang thờ, hai bộ ván đi văng, một tủ nhỏ và một số đồ gỗ khác; điều này chứng minh bà T đã mua hai ghế thờ, một trang thờ, hai ván đi văng. Do đó bà T kháng cáo yêu cầu được chia hai ghế thờ, một trang thờ, hai bộ ván đi văng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.3] Đối với kháng cáo của bà T không đồng ý thanh toán tiền công sức đóng góp cho chị N, số tiền 200.000.000 đồng, thấy rằng: Chị Hồ Kim N không thuộc những người thừa kế theo pháp luật được hưởng di sản của bà C; chị N không chứng minh được công sức đóng góp như đã quản lý đất ổn định, liên tục; đầu tư cải tạo, san lấp trên đất hay nộp thuế, bảo quản tài sản; làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Bà C chết năm 2023, các bên phát sinh tranh chấp từ sau khi bà C chết. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: ...“quyết định tính công sức đóng góp,

bảo quản, gìn giữ tài sản là di sản thừa kế, chăm sóc bà C là người để lại di sản thừa kế từ năm 2007 thời gian chị N sống chung với bà C, nuôi dưỡng bà C lúc già yếu, bệnh tật. Mặc dù chị N là cháu ruột bà C không phải là người thuộc diện thừa kế theo pháp luật, nên tính bằng 8% tổng giá trị di sản của bà C để lại với số tiền 200.000.000 đồng là không trái pháp luật và lẽ công bằng” là không có căn cứ pháp luật, không đúng hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, kháng cáo của bà T đối với nội dung này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.4] Đối với kháng cáo của bà T yêu cầu chị N phải thanh toán lại tiền thu hoạch mù cao su trên đất từ ngày 10/01/2024 đến ngày xét xử 01/10/2025, mỗi tháng 4.500.000 đồng, thành tiền 36.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Tố T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị T rút yêu cầu kháng cáo đối với nội dung này, đồng ý số tiền thu hoạch mù cao su 3.000.000 đồng như chị N trình bày giao cho chị N được hưởng dụng. Việc rút kháng cáo của bà T đối với nội dung này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét kháng cáo của chị Hồ Kim N, thấy rằng:

[7.1] Như đã phân tích ở các mục [6.1] đến [6.4], ngày 06/7/2007 ông Hồ Văn H3 và bà Lại Thị L1 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1564, tờ bản đồ số 07, diện tích 2865m² tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh) cho bà C. Ngày 18/10/2007, bà Hồ Thị C được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25/10/2023 bà C chết không để lại di chúc, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là cha mẹ của bà C chết trước bà C; bà C không có chồng, con; không có cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi. Hàng thừa kế thứ hai gồm anh chị em bà C là ông Hồ Văn H3, chết năm 2013 trước bà C; bà Hồ Thị T là chị ruột của bà C và là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ hai đủ điều kiện hưởng di sản. Chị Hồ Kim N là cháu gọi bà C là cô ruột nên không đủ điều kiện hưởng di sản thừa kế theo Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó kháng cáo của chị N đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.2] Đối với kháng cáo của chị N yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ giá trị cây cao su trên đất cho chị N và gia đình chị vì toàn bộ cây cao su này do ông Hồ Văn H3 và các chị em chị trồng và chăm sóc từ năm 2003 cho đến khi bà C chết vào năm 2023, thấy rằng: Như đã phân tích ở phần trên, ngày 06/7/2007 ông Hồ Văn H3 và bà Lại Thị L1 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1564, tờ bản đồ số 07, diện tích 2865m² tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh) cho bà C; quyền quản lý sử dụng đất của bà C được xác lập kể từ ngày 06/7/2007, không còn quyền quản lý sử dụng của ông H3, bà L1 nên yêu cầu kháng cáo này của bà N là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh, thấy rằng:

[8.1] Do đã xác định tài sản của bà Hồ Thị C, chia thừa kế theo pháp luật, bà Hồ Thị T là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ hai được hưởng toàn bộ tài sản của bà C để lại, Hội đồng xét xử chấp nhận, gồm: Diện tích đất thực tế 1.619,7m² (loại đất BHK) thuộc một phần thửa số 202, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1564, tờ bản đồ số 07 (bản đồ số 299), tứ cận: Bắc giáp đường đất dài 23,93m + 26,49m; Tây giáp đường nhựa dài 33,88m; Nam giáp thửa số 203 và phần còn lại của thửa số 202 dài 50,65; Đông giáp đường đất dài 14,75m + 22,54m, trị giá 2.511.667.170 đồng. Tài sản trên đất 145 cây cao su, trị giá 58.000.000 đồng, hàng rào lưới B40 trị giá 142.768.280 đồng, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khuôn viên hàng rào lưới B40 bà C sử dụng, hiện chị Hồ Kim N đang quản lý nhưng tại phần Quyết định của Bản án tuyên: “1.2. Buộc chị Hồ Kim N phải giao cho bà Hồ Thị T phần đất diện tích 1.619,7m², tài sản cây cao su...” mà không tuyên cụ thể số lượng cây cao su trên đất là thiếu sót, dẫn đến khó khăn cho công tác thi hành án. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ bổ sung thêm nội dung này trong phần Quyết định của bản án, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[8.2] Tại mục [2.10] phần Nhận định của bản án có đoạn: “Do đã xác định tài sản không phải của bà Hồ Thị C để lại, Hội đồng xét xử không chấp nhận gồm: ...02 ghế thờ trị giá 1.000.000 đồng, 01 trang thờ trị giá 500.000 đồng, 02 ván đi văng trị giá 2.000.000 đồng” nhưng tại phần Quyết định của Bản án không tuyên nội dung không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế các tài sản này là thiếu sót. Tuy nhiên, tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà T nên sẽ bổ sung thêm nội dung này trong phần Quyết định của bản án.

[8.3] Đối với việc chịu chi phí tố tụng, yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ nên chị Hồ Kim N phải chịu toàn bộ chi phí này. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: “Bà Hồ Thị T phải chịu 10.300.000 đồng; chị Hồ Kim N, chị Hồ Thị L, anh Hồ Quốc K, bà Lại Thị Lễ P chịu 23.000.000 đồng”... là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần chi phí tố tụng buộc chị N phải chịu toàn bộ.

[9] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồ Thị T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị T.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hồ Kim N.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 24/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 317/2025/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 165, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với chị Hồ Kim N.

1.1. Bà Hồ Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích thực tế 1.619,7m² (loại đất BHK) thuộc một phần thửa số 202, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1564, tờ bản đồ 07 (bản đồ 299); trên đất có 145 cây cao su (12 năm tuổi), hàng rào lưới B40 trên đất và phần đất diện tích thực tế 620m² thuộc một phần thửa số 204, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1561, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299); trên đất có 10 cây cao su năm năm tuổi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 786271, số vào sổ cấp GCN: H00307/512/2007/HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Hồ Thị C đứng tên ngày 18/10/2007, tọa lạc ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh).

(Vị trí tứ cận thửa đất được thể hiện theo Bản trích đo địa chính thửa đất số 359/BĐ-TĐCL do Công ty TNHH T3 đo đạc, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T Chi nhánh G duyệt ngày 18/11/2024).

1.2. Bà Hồ Thị T được quyền sở hữu một xe mô tô biển số 70L1-0709, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, màu sơn xanh, số máy: 1242178, số khung: 1226676 do bà C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0017466 ngày 21/5/1997; một tủ lạnh; một tivi; một tủ nhỏ; một cái giường; một gar măng rê; hai ghế thờ; một trang thờ; hai ván đi văng.

2. Buộc chị Hồ Kim N phải giao cho bà Hồ Thị T phần đất diện tích 1.619,7m², (loại đất BHK) thuộc một phần thửa số 202, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1564, tờ bản đồ 07 (bản đồ 299); trên đất có 145 cây cao su (12 năm tuổi), hàng rào lưới B40 trên đất và phần đất diện tích thực tế 620m² thuộc một phần thửa số 204, tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1561, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299); trên đất có 10 cây cao su năm năm tuổi và 01 xe mô tô biển số 70L1-0709, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, màu sơn xanh, số máy: 1242178, số khung: 1226676, do bà C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0017466 ngày 21/5/1997; một tủ lạnh; một tivi; một tủ nhỏ; một cái giường; một gar măng rê; hai ghế thờ; một trang thờ; hai ván đi văng.

Bà Hồ Thị T có quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về

quản lý đất đai để được kê khai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được công nhận tại mục [1.1] phần Quyết định của bản án.

3. Chị Hồ Kim N được hưởng số tiền thu hoạch mủ cao su từ ngày 10/01/2024 đến ngày 09/10/2025, số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); số tiền này chị N thu hoạch và cất giữ.

4. Buộc bà Hồ Thị T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị 10 cây cao su cho bà Lại Thị L2, số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T về yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 978m², thuộc một phần thửa số 202 diện tích 647,5m² và thuộc thửa số 203 diện tích 330,5m², tờ bản đồ số 37 (bản đồ 2005), tương ứng với một phần thửa số 1564, tờ bản đồ số 07 (bản đồ 299) và yêu cầu chia căn nhà tình thương trên diện tích đất 978m².

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị T buộc chị Hồ Kim N thanh toán số tiền cạo mủ cao su là 36.000.000 đồng.

7. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Hồ Kim N phải chịu 33.300.000 đồng, bà T đã nộp và chi phí xong. Do đó buộc chị Hồ Kim N có trách nhiệm nộp hoàn trả bà Hồ Thị T số tiền 33.300.000 đồng.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Bà Hồ Thị T được miễn nộp án phí.

8.2. Chị Hồ Kim N, chị Hồ Thị L, anh Hồ Quốc K, bà Lại Thị L1 không phải chịu.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm:

9.1. Bà Hồ Thị T không phải chịu.

9.2. Chị Hồ Kim N phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008331 ngày 20/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh sang thi hành án phí.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến